



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019
PHẦN II
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

- Mã trường (dùng trong tuyển sinh): **MHN**
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: **www.hou.edu.vn**
- Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh: **http://tuyensinh.hou.edu.vn**

1. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước dựa vào kết quả thi các môn văn hóa từ kết quả của Kỳ thi THPT Quốc gia 2019.
- Riêng các chuyên ngành năng khiếu (*Kiến trúc, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa*) nhà trường tổ chức thi các môn năng khiếu vẽ (*Hình họa, Bố cục màu và Vẽ mỹ thuật*) sau khi thí sinh dự thi THPT Quốc gia hoặc nhận kết quả thi của thí sinh dự thi năng khiếu vẽ tại các trường Đại học khác trên cả nước, các môn văn hóa có thể lấy kết quả thi THPT Quốc gia 2019 hoặc sử dụng kết quả học tập bậc THPT.

1.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Ngành/Chuyên ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2017			Năm 2018		
	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển
Nhóm ngành I	-	-	-	-	-	-
Nhóm ngành II						
Ngành Thiết kế công nghiệp (gồm 3 chuyên ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang và Thiết kế đồ họa): Các THXT: H00, H01, H06	120	137	20,50 (Môn NK hệ số 2)	120	178	20.35 (Môn NK hệ số 2)
Nhóm ngành III						
- Kế toán (A00, A01, D01)	110	141	21,0	180	215	19.05
- Thương mại điện tử (A00, A01, D01)	-	-	-	-	-	-
- Quản trị kinh doanh gồm 3 chuyên ngành:						
+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh (A00, A01, D01)	240	133	21,25	300	298	18.90
+ Chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn (A00, A01, D01)	240	414	21,25	-	-	-
+ Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch (A00, A01, D01)	80	38	21,25	-	-	-
- Tài chính – Ngân hàng (A00, A01, D01)	200	162	20,0	160	169	18.65
- Luật (A00, A01, D01, C00)	120	103	19,75	200	174	18.50

- Luật kinh tế (A00, A01, D01, C00)	120	115	20,50	250	232	19.00
- Luật quốc tế (A00, A01, D01, C00)	60	61	19,25	100	91	17.75
Nhóm ngành IV						
- Công nghệ sinh học (A00, B00, D07)	200	88	15,50	120	56	14.50
Nhóm ngành V						
- Công nghệ thông tin (A00, A01, D01)	290	341	20,50	330	374	18.70
- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (A00, A01, C01, D01)	250	108	20,25 (Lý hệ số 2)	150	157	15.05
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (A00, A01, C01, D01)	-	-	-	100	115	15.15
- Công nghệ thực phẩm (A00, B00, D07)	-	-	-	110	47	14.50
- Kiến trúc (V00, V01, V02)	100	47	21,17 (NK hệ số 2)	80	27	20.00 (Môn NK hệ số 2)
Nhóm ngành VI						
Nhóm ngành VII						
- Ngôn ngữ Anh (D01)	320	351	29,33 (TA hệ số 2)	300	349	25.92 (Môn TA hệ số 2)
- Ngôn ngữ Trung Quốc (D01, D04)	200	220	28,75 (NN hệ số 2)	150	198	27.08 (Môn NN hệ số 2)
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (D01)	-	-	-	250	301	26.40 (Môn TA hệ số 2)
Tổng	2.650	2.459		2.900	2.981	

2. Các thông tin tuyển sinh năm 2019

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Đối với các môn văn hóa:

TT	Tên ngành	Các môn văn hóa trong THPT	
		Xét kết quả của Kỳ thi THPT QG 2019	Xét kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ)
1	Thiết kế công nghiệp (kết hợp với điểm năng khiếu vẽ)	X	X
2	Kế toán	X	
3	Tài chính – Ngân hàng	X	
4	Quản trị kinh doanh	X	
5	Thương mại điện tử	X	
6	Luật	X	
7	Luật kinh tế	X	
8	Luật quốc tế	X	
9	Công nghệ sinh học	X	X
10	Công nghệ thông tin	X	

11	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	X	
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	X	
13	Kiến trúc (kết hợp với điểm năng khiếu vẽ)	X	X
14	Công nghệ thực phẩm	X	X
15	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	X	
16	Ngôn ngữ Anh	X	
17	Ngôn ngữ Trung Quốc	X	

Ghi chú: Với hình thức xét học bạ, thí sinh cần có điểm trung bình của từng môn học trong THPT hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. Điểm trung bình của môn học tham gia xét tuyển là Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn học đó. Nhà trường nhận hồ sơ xét học bạ từ 01/05/2019.

2.3.2. Đối với môn năng khiếu vẽ:

Các chuyên ngành có môn năng khiếu vẽ gồm: Kiến trúc; Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa (thuộc ngành Thiết kế công nghiệp). Các môn năng khiếu vẽ tính hệ số 2 (gồm Vẽ Hình họa, Bố cục màu, Vẽ mỹ thuật).

Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh cần có điểm môn năng khiếu vẽ trong năm 2019 theo 1 trong các cách sau:

+ *Cách 1:* Tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức sau kỳ thi THPT Quốc gia. Nhà trường nhận hồ sơ ĐKDT năng khiếu từ 01/04/2019, thủ tục đăng ký thí sinh cần xem kỹ tại <http://tuyensinh.hou.edu.vn>. Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển.

+ *Cách 2:* Dự thi môn năng khiếu vẽ tại các trường Đại học khác trên cả nước, sau đó nộp Giấy chứng nhận điểm về Trường Đại học Mở Hà Nội. Các môn năng khiếu có thể được công nhận tương đương: Trang trí màu tương đương Bố cục màu (vẽ bằng màu), Hình họa tương đương Vẽ mỹ thuật (vẽ bằng chì đen).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy năm 2019

TT	Các ngành đào tạo trình độ đại học	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả học THPT (xét học bạ)
1	Nhóm ngành I	-	-
2	Nhóm ngành II Ngành Thiết kế công nghiệp	100	50
3	Nhóm ngành III	1.270	-
	Ngành Kế toán	150	-
	Ngành Quản trị kinh doanh	270	-
	Ngành Thương mại điện tử	50	-
	Ngành Tài chính – Ngân hàng	250	-
	Ngành Luật	200	-
	Ngành Luật kinh tế	250	-
	Ngành Luật quốc tế	100	-

4	Nhóm ngành IV Ngành Công nghệ sinh học	85	50
5	Nhóm ngành V	845	80
	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	220	-
	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	170	-
	Ngành Công nghệ thông tin	285	-
	Ngành Kiến trúc	70	30
	Ngành Công nghệ thực phẩm	100	50
6	Nhóm ngành VI	-	-
7	Nhóm ngành VII	700	-
	Ngôn ngữ Anh	250	-
	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	-
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250	-
Tổng số		3.000	180

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

Trường Đại học Mở Hà Nội nhận ĐKXT của những thí sinh có tổng điểm 3 môn thi (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) không thấp hơn Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố sau khi thí sinh có kết quả thi THPT Quốc gia 2019.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Các ngành đào tạo đại học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã THPT
1. Nhóm ngành II: 150 chỉ tiêu			
Thiết kế công nghiệp gồm 3 chuyên ngành: + Thiết kế nội thất + Thiết kế thời trang + Thiết kế đồ họa	7210402	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU, Ngữ văn; HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA, Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
2. Nhóm ngành III: 1.270 chỉ tiêu			
- Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
- Tài chính – Ngân hàng (Đào tạo 2 chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại)	7340201	Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A01 D01
- Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Hóa học; Tiếng Anh, Toán, Vật lý;	A00 A01
- Thương mại điện tử	7340122	Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn.	D01
- Luật	7380101	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
- Luật kinh tế	7380107	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
- Luật quốc tế	7380108	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	D01 C00
3. Nhóm ngành IV: 135 chỉ tiêu			
Công nghệ sinh học (Đào tạo 5 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Nông nghiệp, Mỹ phẩm)	7420201	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh.	B00 A00 D07
4. Nhóm ngành V: 925 chỉ tiêu			
- Công nghệ thông tin (Đào tạo 4 chuyên	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00

ngành: CN phần mềm, Hệ thống thông tin, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống)		Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A01 D01
- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Vật lý, Ngữ văn; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 C01 D01
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Vật lý, Ngữ văn; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 C01 D01
- Kiến trúc	7580101	VẼ MỸ THUẬT, Toán, Vật lý; HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA, Toán, Tiếng Anh.	V00 V01 V02
- Công nghệ thực phẩm	7540101	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh.	B00 A00 D07
5. Nhóm ngành VII: 700 chỉ tiêu			
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Đào tạo 2 chuyên ngành: Quản trị Du lịch - Khách sạn, Hướng dẫn du lịch và Quản trị lữ hành)	7810103	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn.	D01
- Ngôn ngữ Anh	7220201	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn.	D01
- Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn; TIẾNG TRUNG, Toán, Ngữ văn.	D01 D04

2.6.1. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển tổng điểm 3 môn (gồm cả điểm ưu tiên, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) theo từng ngành/chuyên ngành và theo từng THXT, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nguyên tắc tính **Tổng điểm xét tuyển** như sau:

+ Các ngành/chuyên ngành gồm 3 môn văn hóa tính hệ số 1:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

+ Các ngành/chuyên ngành có 1 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3 x 2) + [Điểm UT (nếu có) x 4/3]

+ Các ngành/chuyên ngành có 2 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2 x 2) + (Môn 3 x 2) + [Điểm UT (nếu có) x 5/3]

+ Tổng điểm xét tuyển làm tròn đến hai chữ số thập phân và sẽ do phần mềm máy tính tự động quy đổi về thang điểm 30 hoặc thang điểm 40 theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng.

- Nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, nhà trường chọn thí sinh có điểm môn thi thứ nhất cao hơn (Thứ tự môn thi tính theo thứ tự các môn trong THXT quy định tại mục 2.6), ngoài các tiêu chí cứng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Kết thúc đợt xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ sung theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Quy định về xét tuyển thẳng: Có quy định riêng sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Trường Đại học Mở Hà Nội không sử dụng kết quả miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong kỳ thi THPT Quốc gia để tuyển sinh.

- Trường Đại học Mở Hà Nội không quy định độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng một ngành/chuyên ngành.

2.6.2. *Các môn tính hệ số 2:* Các môn thi viết chữ **HOA**, in **ĐẬM** là môn thi chính hoặc môn năng khiếu, sẽ tính hệ số 2.

2.6.3. *Thời gian ĐKXT và xác nhận nhập học:* Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.7. *Tổ chức tuyển sinh:*

Trường Đại học Mở Hà Nội chỉ tổ chức thi tuyển sinh các môn năng khiếu vẽ, còn các môn văn hóa sẽ xét tuyển.

Nhà trường sẽ công bố thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT các môn năng khiếu vẽ cùng thời điểm với nộp hồ sơ ĐKDT THPT Quốc gia. Thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.8. *Chính sách ưu tiên:*

Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế tuyển sinh ĐHCQ ban hành theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017, Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/03/2018 và Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển*

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm*

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện theo Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 03/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021
Kế toán; Quản trị kinh doanh; Thương mại điện tử; Tài chính – Ngân hàng; Luật; Luật kinh tế; Luật quốc tế.	12.440.000 đ/năm	13.685.000đ/năm
Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật Điện tử-Viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kiến trúc, Thiết kế nội thất; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ họa; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.	13.045.000 đ/năm	14.350.000đ/năm

2.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2019

Địa chỉ website của trường: www.hou.edu.vn

Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh của trường: <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

Email Phòng Quản lý Đào tạo: daotao@hou.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tuấn	Chuyên viên Phòng QLDT	02462974545	daotao@hou.edu.vn
2	Trần Trọng Nghĩa	Chuyên viên Phòng QLDT	02462974646	daotao@hou.edu.vn
3	Tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường (http://tuyensinh.hou.edu.vn) có bộ phận tư vấn, hỗ trợ và giải đáp mọi thắc mắc của thí sinh.			

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Nếu sau khi xét tuyển Đợt 1 mà chưa đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ xét tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thông báo về xét tuyển bổ sung sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

4. Thời gian nhập học Đợt 1

Nhà trường tổ chức nhập học Đợt 1 cho thí sinh đã xác nhận nhập học trong tháng 8/2019. Thông báo về các thủ tục nhập học sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Cán bộ kê khai



Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn

